



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 05 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Quản lý và vận hành trung tâm thử nghiệm**

Laboratory: **Test Lab Operation and Management Center**

Tổ chức đăng ký/
Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh VinFast**

Name of applicant
Organization: **VinFast Trading and Production Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1447**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện – Điện tử**

Field of testing: **Electrical - Electronic**

Người quản lý: **Feng Jinchao**

Laboratory manager: **Feng Jinchao**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /05/2025 đến ngày 19/05/2030**

Địa chỉ: **Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Đảo Cát Hải, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

Address: **Dinh Vu - Cat Hai Economic Zone, Cat Hai Island, Cat Hai Town, Cat Hai District, Hai Phong City, Viet Nam**

Địa điểm: **Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Đảo Cát Hải, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

Location: **Dinh Vu - Cat Hai Economic Zone, Cat Hai Island, Cat Hai Town, Cat Hai District, Hai Phong City, Viet Nam**

Điện thoại/ Tel: **02439749999**

Email: **v.hanhntt6@vinfast.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1447**Phòng thử nghiệm Cell pin****Battery Cell Test Laboratory****Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử**

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Pin Lithium ion – Cell pin Lithium ion battery - Cell	Thử dung lượng <i>Capacity test</i>	Đến/ To 400 Ah	IEC 62660-1:2018 TCVN 12241-1:2018
2.		Thử công suất <i>Power test</i>	Đến/ To 4 000 W	IEC 62660-1:2018 TCVN 12241-1:2018
3.		Thử năng lượng <i>Energy test</i>	Đến/ To 4 000 Wh	IEC 62660-1:2018 TCVN 12241-1:2018
4.		Thử lưu trữ <i>Storage test</i>	Đến/ To 400 Ah	IEC 62660-1:2018 TCVN 12241-1:2018
5.		Thử tuổi thọ <i>Cycle life test</i>	Đến/ To 400 Ah	IEC 62660-1:2018 TCVN 12241-1:2018
6.		Thử hiệu suất năng lượng <i>Energy efficiency test</i>	Đến/ To 400 Ah	IEC 62660-1:2018 TCVN 12241-1:2018
7.		Thử rung <i>Vibration test</i>	Đến/ To 2 000 Hz	TCVN 12241-3:2018 IEC 62660-2:2018 TCVN 12241-2:2018
8.		Thử sốc cơ học <i>Mechanical shock test</i>	Đến/ To 180 g	IEC 62660-3:2022 và/ and IEC 62660-2:2018 TCVN 12241-3:2018 và/ and TCVN 12241-2:2018
9.		Thử chu kỳ nhiệt độ <i>Temperature cycling test</i>	(-40 ~ 85) °C	IEC 62660-3:2022 và/ and IEC 62660-2:2018 TCVN 12241-3:2018 và/ and TCVN 12241-2:2018
10.	Pin Lithium – Cell pin	Thử chèn ép <i>Crush test</i>	Đến/ To 20 kN	IEC 62660-3:2022
11.	Lithium battery - Cell	Thử quá sạc <i>Overcharge test</i>	Đến/ To 10V/ 30A	IEC 62660-3:2022

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1447

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
12.	Pin Lithium – Cell pin Lithium battery - Cell	Thử gia nhiệt <i>Heating test</i>	Đến 130°C trong vòng 30 phút <i>To 130°C during 30 minutes</i>	IEC 62660-2:2018
13.		Thử ngắn mạch ngoài <i>External short circuit</i>	Tổng điện trở/ <i>Resistance:</i> ≤ 5 mΩ Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> RT/nhiệt độ phòng	IEC 62660-2:2018
14.		Thử độ bền chu kỳ <i>Endurance in cycles test</i>	Đến/ To 400 Ah	IEC 61960-3:2017
15.		Thử thả rơi <i>Free fall test</i>	Đến/ To 1,8 m	IEC 62133-2:2017 TCVN 11919-2:2017
16.		Thử chèn ép <i>Crush test</i>	Đến/ To 13 kN	IEC 62133-2:2017 TCVN 11919-2:2017
17.		Thử khả năng chịu nhiệt độ cao <i>Thermal abuse test</i>	Đến/ To 180 °C	IEC 62133-2:2017 TCVN 11919-2:2017
18.		Thử ngắn mạch ngoài <i>External short circuit test</i>	---	IEC 62133-2:2017 TCVN 11919-2:2017
19.		Thử sạc liên tục tại điện áp không đổi <i>Continuous charging at constant voltage test</i>	Đến/ To 10 V	IEC 62133-2:2017
20.		Thử đâm xuyên <i>Penetration test</i>	---	SAE J2464-2021
21.		Thử mô phỏng độ cao <i>Altitude Simulation test</i>	Tại/ At 11,6 kPa	UN ST/SG/AC.10/11/ Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
22.		Thử nhiệt độ <i>Thermal test</i>	(-40 ~ 70) °C	UN ST/SG/AC.10/11/ Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
23.		Thử rung <i>Vibration test</i>	Đến/ To 2000 Hz	UN ST/SG/AC.10/11/ Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1447

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
24.	Pin Lithium – Cell pin Lithium battery - Cell	Thử sốc cơ học <i>Mechanical shock test</i>	Đến/ To 180 g _n	UN ST/SG/AC.10/11/ Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
25.		Thử ngắn mạch ngoài <i>External short circuit test</i>	---	UN ST/SG/AC.10/11/ Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
26.		Thử va đập <i>Impact test</i>	Quả nặng/ Heavy object 9,1 kg Chiều cao/ Height 610 mm	UN ST/SG/AC.10/11/ Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
27.		Thử chèn ép <i>Crush Test</i>	13 ± 0,78 kN	UN ST/SG/AC.10/11/ Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
28.		Thử xả quá mức <i>Forced discharge test</i>	---	UN ST/SG/AC.10/11/ Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
29.		Thử áp suất thấp (mô phỏng độ cao) <i>Low Pressure (Altitude Simulation) test</i>	Tại/ At 11,6 kPa	UL 1642-2022
30.		Thử khả năng chống cháy <i>Projectile Test</i>	---	UL 1642-2022
31.		Thử gia nhiệt <i>Heating test</i>	Đến/ To 180°C	UL 1642-2022
32.		Thử chu kỳ nhiệt độ <i>Temperature cycling test</i>	(-40 ~ 85) °C	UL 1642-2022
33.		Thử ngắn mạch <i>Short circuit test</i>	---	UL 1642-2022
34.		Thử sạc bất thường <i>Abnormal charging test</i>	Đến/ To 400 A	UL 1642-2022
35.		Thử chèn ép <i>Crush test</i>	Đến/ To 13 kN	UL 1642-2022
36.		Thử rung <i>Vibration test</i>	Đến/ To 2 000 Hz	UL 1642-2022
37.		Thử sốc cơ học <i>Mechanical shock test</i>	Đến/ To 180 g _n	UL 1642-2022

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1447

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
38.	Pin Lithium – Cell pin Lithium battery - Cell	Thử va đập <i>Impact test</i>	Quả nặng/ <i>Heavy object</i> 9,1 kg Chiều cao/ <i>Height</i> 610 mm	UL 1642:2022
39.		Thử rung <i>Vibration test</i>	Tần số/ <i>Frequency:</i> Đến/To 2000 Hz	UL2580:2022
40.		Thử sốc cơ học <i>Mechanical shock test</i>	Gia tốc/ <i>Acceleration:</i> Đến/ To 500 m/s ² Độ rộng xung/ <i>Pulse Width:</i> 6 ms	UL2580:2022
41.		Thử chèn ép <i>Crush test / Extrusion</i>	Đến 1000 lần khối lượng cell <i>To 1000 times of cell weight</i>	UL2580:2022
42.		Thử thả rơi <i>Free fall test</i>	Độ cao thả rơi / <i>Free fall heigh:</i> 1,0 m	UL2580:2022
43.		Thử đâm xuyên <i>Penetration test</i>	Tốc độ thử / <i>Test speed:</i> 0,1 mm/s	UL2580:2022
44.		Thử gia nhiệt <i>Heating test</i>	Đến / To: (130 ± 2) °C	UL2580:2022
45.		Thử ngắn mạch <i>Short circuit test</i>	Tổng điện trở/ <i>Resistance:</i> ≤ 5 mΩ Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> RT/nhiệt độ phòng & 55 ± 5°C	UL2580:2022
46.		Thử đốt cháy <i>Projectile test</i>	---	UL2580:2022
47.		Thử chu kỳ nhiệt <i>Temperature cycling</i>	Dải nhiệt độ/ <i>Temperature range:</i> (-40 ~ 85) °C/ ± 2°C	UL2580:2022
48.		Thử quá xả <i>Forced discharge</i>	--	UL2580-2022 và/ <i>and</i> IEC 62660-2:2018

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1447

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
49.	Pin Lithium – Cell pin Lithium battery - Cell	Thử ứng dụng gia nhiệt ngoài <i>External heater application test</i>	Công suất tối đa / <i>Maximum power:</i> 240 W/115 VAC	UL1973:2022 UL2580:2022
50.		Thử rung <i>Vibration test</i>	Tần số/ <i>Frequency:</i> (10 ~ 55) Hz Tổng biên độ/ <i>Total excursion:</i> 1,6 mm	UL1973:2022
51.		Thử sốc cơ học <i>Mechanical shock test</i>	Gia tốc/ <i>Acceleration:</i> (125 ~ 175) g _n Độ rộng xung/ <i>Pulse Width:</i> 3 ms	UL1973:2022
52.		Thử chèn ép <i>Crush test / Extrusion</i>	Đến 1000 lần khối lượng cell <i>To 1000 times of cell weight</i>	UL1973:2022
53.		Thử áp suất thấp (mô phỏng độ cao) <i>Low Pressure (Altitude Simulation) test</i>	Đến / To: 11,6 kPa	UL1973:2022
54.		Thử gia nhiệt <i>Heating test</i>	Đến / To: (130 ± 2) °C	UL1973:2022
55.		Thử va đập <i>Impact test</i>	Quả nặng/ <i>Heavy object</i> 9,1 kg Chiều cao/ <i>Height</i> 610 mm	UL1973:2022
56.		Thử ngắn mạch <i>Short circuit</i>	Tổng điện trở/ <i>Resistance:</i> ≤ 20 mΩ Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> RT/nhiệt độ phòng & (55 ± 5) °C	UL1973:2022
57.		Thử đốt cháy <i>Projectile test</i>	--	UL1973:2022
58.		Thử chu kỳ nhiệt <i>Temperature cycling test</i>	--	UL1973:2022

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1447

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
59.	Pin Lithium – Cell pin Lithium battery - Cell	Thử chèn ép <i>Crush test / Extrusion</i>	Đến 1000 lần khối lượng cell hoặc 100 kN <i>To 1000 times of cell weight or 100 kN</i>	GB 38031:2020
60.		Thử ngắn mạch ngoài <i>External short circuit</i>	Tổng điện trở/ <i>Resistance:</i> $\leq 5 \text{ m}\Omega$ Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> RT/nhiệt độ phòng & $(55 \pm 5) ^\circ\text{C}$	GB 38031:2020
61.		Thử gia nhiệt <i>Heating test</i>	Đến 130°C trong vòng 30 phút <i>To 130°C during 30 minutes</i>	GB 38031:2020
62.		Thử chu kỳ nhiệt <i>Temperature cycle test</i>	Dải nhiệt độ/ <i>Temperature range:</i> $(-40 \sim 85)$ $\pm 2^\circ\text{C}$	GB 38031:2020
63.		Thử ăn mòn phun sương muối <i>Corrosion salt fog spray test</i>	--	ASTM B117-19 và/ <i>and</i> ASTM B895- 16(2024)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1447

Phòng thử nghiệm linh kiện xe và Pack pin Vehicle Component and Battery Pack Test Laboratory

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Pin lithium – Pin lớn (Module) Lithium battery – Large battery (Module)	Thử xả mức module ở nhiệt độ phòng <i>Module discharge capacity at room temperature test</i>		GB/T 31486:2015
2.		Thử xả mức module ở nhiệt độ thấp <i>Module discharge capacity at low temperature test</i>	Tại/ At -20 °C	GB/T 31486:2015
3.		Thử xả mức module ở nhiệt độ cao <i>Module discharge capacity at high temperature test</i>	Tại/ At 55 °C	GB/T 31486:2015
4.	Pin lithium Lithium battery	Thử áp suất thấp <i>Altitude simulation test</i>	Tại/ At 11,6 kPa	UN ST/SG/AC.10/11 / Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
5.		Thử nhiệt độ <i>Thermal test</i>	Từ/ From -40 °C đến/ to 72 °C	UN ST/SG/AC.10/11 / Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
6.		Thử rung <i>Vibration test</i>	(7 ~ 200) Hz Gia tốc lớn nhất (sine)/ <i>Max. acceleration (sine)</i> 2 g _n Tải trọng tối đa/ <i>Specimen Payload</i> 400 kg	UN ST/SG/AC.10/11 / Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
7.		Thử sốc cơ học <i>Mechanical shock test</i>	Đến/ To 50 g _n <i>Half-sine</i> Tải trọng tối đa/ <i>Specimen Payload</i> 400 kg	UN ST/SG/AC.10/11 / Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1447

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
8.	Pin lithium <i>Lithium battery</i>	Thử ngắn mạch ngoài <i>External short circuit test</i>	--	UN ST/SG/AC.10/11 / Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
9.		Thử quá sạc <i>Overcharge test</i>	--	UN ST/SG/AC.10/11 / Rev.8/ Manual of Tests and Criteria (2023) Section 38.3
10.	Pin Lithium – Pack pin Lithium battery - Pack	Thử sạc quá ngưỡng <i>Overcharge test</i>	--	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
11.		Thử ngắn mạch <i>Short circuit test</i>	Điện trở ngoài/ <i>External resistance</i> (5 ~ 100) mΩ Dòng điện lớn nhất/ <i>Max. Operating Current</i> 15000 A	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
12.		Thử bảo vệ khi quá xả <i>Over-discharge protection test</i>	--	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
13.		Thử sạc không cân bằng <i>Imbalance charging test</i>	--	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
14.		Thử khả năng chịu đựng điện áp <i>Dielectric voltage withstand test</i>	Đến/ <i>To</i> 1500 A	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
15.		Thử điện trở cách điện <i>Isolation resistance test</i>	Đến/ <i>To</i> 55 °C	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
16.		Thử kiểm tra tính liên tục <i>Continuity test</i>	Đến/ <i>To</i> 1500 A	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
17.		Thử hệ thống làm mát không hoạt động <i>Failure of cooling/thermal stability system test</i>	Đến/ <i>To</i> 55 °C	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
18.		Thử thả rơi <i>Drop test</i>	Đến/ <i>To</i> 1 m	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
19.		Thử đè nén pin. <i>Crush test</i>	Lực nén/ <i>Crush force</i> : 100 kN Tốc độ/ <i>Speed</i> : (5 ~ 75) mm/sec	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1447

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
20.	Pin Lithium – Pack pin Lithium battery - Pack	Thử phun nước muối <i>Salt spray test</i>	Thể tích buồng/ <i>Useful capacity</i> 17,5 m ³	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022 and/ và IEC 60068-2-52:2017
21.		Thử lan truyền nhiệt trong battery pack <i>Single cell failure design tolerance test</i>	--	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
22.		Thử nhiệt độ <i>Temperature test</i>	--	ANSI/CAN/UL/ ULC 2580:2022
23.		Thử năng lượng và dung lượng ở nhiệt độ và cường độ phóng điện khác nhau <i>Energy and capacity at different temperatures and discharge rates test</i>	(-70 ~ 150) °C	ISO 12405- 4:2018
24.		Thử sốc cơ học <i>Mechanical shock test</i>	Gia tốc lớn nhất/ <i>Max. Acceleration</i> 196,2 m/s ² Half-sine	ISO 19453- 6:2020 Category 3
25.		Thử khả năng chống bụi <i>Dust protection test</i>	IP6KX Kích thước trong tủ/ <i>Internal dimension:</i> 4000 x 3000 x 2000 mm (WxDxH)	ISO 20653:2023
26.		Thử ngâm trong nước (IPX7) <i>IPX7 test</i>	IPX7 Kích thước trong tủ/ <i>Internal dimension</i> 3500 x 2500 x 1500 mm (WxDxH)	ISO 20653:2023
27.		Thử rung <i>Vibration test</i>	Tần số/ <i>Frequency</i> (7 ~ 50) Hz Gia tốc lớn nhất (sine)/ <i>Max acceleration</i> (Sine) 10 m/s ²	UNECE Regulation No.100 Revision 3 – 2021 Annex 9A

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1447

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
28.	Pin Lithium – Pack pin Lithium battery - Pack	Thử sốc nhiệt và vòng đời <i>Thermal shock and cycling test</i>	Từ/ <i>From</i> (-40 ~ 60) °C	UNECE Regulation No.100 Revision 3 – 2021 Annex 9B
29.		Thử sốc cơ học <i>Mechanical shock test</i>	Tải trọng tối đa/ <i>Specimen Payload:</i> 1 500 kg Độ rộng xung sốc/ <i>Shock Duration</i> Time: (80 ~ 120) ms Gia tốc tối đa/ <i>Max.</i> <i>Acceleration:</i> 28 g _n	UNECE Regulation No.100 Revision 3 – 2021 Annex 9C
30.		Thử tính toàn vẹn cơ học <i>Mechanical integrity test</i>	Lực nén/ <i>Crush</i> <i>force:</i> (100~105) kN	UNECE Regulation No.100 Revision 3 – 2021 Annex 9D
31.		Thử khả năng chống cháy <i>Fire resistance test</i>	--	UNECE Regulation No.100 Revision 3 – 2021 Annex 9E
32.		Thử bảo vệ ngắn mạch ngoài <i>External short circuit protection test</i>	Dòng điện lớn nhất/ <i>Max. Operating</i> <i>Current</i> 15000 A	UNECE Regulation No.100 Revision 3 – 2021 Annex 9F
33.		Thử bảo vệ sạc quá ngưỡng <i>Overcharge protection test</i>	--	UNECE Regulation No.100 Revision 3 – 2021 Annex 9G
34.		Thử bảo vệ khi quá xả <i>Over-discharge protection test</i>	--	UNECE Regulation No.100 Revision 3 – 2021 Annex 9H

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1447**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
35.	Pin Lithium – Pack pin Lithium battery - Pack	Thử bảo vệ khi quá nhiệt <i>Over temperature protection test</i>	Đến/ To 55 °C	UNECE Regulation No.100 Revision 3 – 2021 Annex 9I
36.		Thử bảo vệ quá dòng <i>Over – current protection test</i>	--	UNECE Regulation No.100 Revision 3 – 2021 Annex 9J

Chú thích/ Note

- IEC: *International Electrotechnical Commission*
- ISO: *International Organization for Standardization*
- ANSI/CAN/UL/ULC: *Joint Canada-United States National Standard*
- UNECE: *United Nations Economic Commission for Europe*
- ST/SG/AC.10/11: *Recommendations on the Transport of Dangerous*
- GB/T: *Chinese standard*
- ASTM: *American Society for Testing and Materials*

Trường hợp Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh VinFast cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh VinFast phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the VinFast Trading and Production Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

